

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-3-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ

Bà Phạm Lý Ba

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Võ Việt Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Kim T, sinh năm 1966 (xin vắng mặt).

Cư trú tại: Hẻm A, đường B, Khóm C, Phường D, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Quách Văn H, sinh năm 1963 (xin vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Q, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bà Đỗ Kim T trình bày: Năm 1984 bà và ông Quách Văn H chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu

thuần trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Quách Văn H.

Về con chung, bà và ông Quách Văn H có ba người con tên là Quách Lê H1, sinh năm 1985, Quách Lê Th, sinh năm 1989 và Quách Trường A1, sinh năm 1991 hiện ba người con đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/02/2023 của Tòa án, ông Quách Văn H trình bày: Ông và bà Đỗ Kim T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984 đến nay không đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, bà Đỗ Kim T có quan hệ tình cảm với người khác nên đã bỏ đi làm từ năm 2017 đến nay, ít về nhà, nên vợ chồng ít gặp nhau. Ông không muốn ly hôn do vợ chồng đã lớn tuổi nhưng nay bà T cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Ông và bà Đỗ Kim T có 03 người con chung là Quách Lê H1, sinh năm 1985, Quách Lê Th, sinh năm 1989 và Quách Trường A1, sinh năm 1991. Nay các con đã thành niên, tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có. Nay do ông đã trình bày rõ ý kiến, không tranh chấp và do ông bận công việc nên ông xin vắng mặt không tham gia tố tụng suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đỗ Kim T ly hôn ông Quách Văn H. Về con chung, có ba người là Quách Lê H1, sinh năm 1985, Quách Lê Th sinh năm 1989 và Quách Trường A1 sinh năm 1991 đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống nên không đặt ra xem xét. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Kim T khởi kiện ông Quách Văn H yêu cầu ly hôn nên đây là quan hệ tranh chấp về “ly hôn”, bị đơn ông Quách Văn H cư trú tại ấp Q, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Đỗ Kim T và ông Quách Văn H đã có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà Đỗ Kim T và ông Quách Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984, đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 đến nay, nay ông Quách Văn H cũng đồng ý ly hôn với bà Đỗ Kim T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Kim T và ông Quách Văn H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho bà Đỗ Kim T ly hôn ông Quách Văn H là đúng quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, bà Đỗ Kim T và ông Quách Văn H có 03 người con chung là Quách Lê H1, sinh năm 1985, Quách Lê Th, sinh năm 1989 và Quách Trường A1, sinh năm 1991 nhưng đều đã thành niên, tự lao động sinh sống, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Bà Đỗ Kim T và ông Quách Văn H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Đỗ Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bà Đỗ Kim T đã nộp tạm ứng án phí xong, nay chuyển thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đỗ Kim T ly hôn ông Quách Văn H.

2. Về án phí: Bà Đỗ Kim T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018531 ngày 16/01/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, như vậy bà Đỗ Kim T không còn phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Vẹn